

Bản án số: **98/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 29 - 6 - 2026

“Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Hương.

2/ Bà Lương Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Quang Văn Dù – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 110/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lương Văn T**, sinh năm: 1990; Căn cước công dân: 040090036603; Địa chỉ: **Bản N, xã C, tỉnh Nghệ An**. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị **Hà Thị M**, sinh năm: 1987; Căn cước công dân: 040187017564; Nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: **Bản N, xã C, tỉnh Nghệ An**. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Hiện đang sinh sống, lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh **Lương Văn T** trình bày:*

Anh **Lương Văn T** và chị **Hà Thị M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q** cũ (Sau sáp nhập nay là **Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Nghệ An**) vào ngày 08 tháng 9 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, để có thêm thu nhập hỗ trợ kinh tế gia đình chị **M** đã nhiều lần xuất cảnh ra nước ngoài làm việc (nước Malaysia), cho tới những năm gần đây giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do có những bất đồng về lối sống, quan điểm xây dựng gia đình dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã hơn 05 (năm) năm, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, giữa vợ chồng không còn giữ liên lạc, không còn sự quan tâm,

hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và nuôi con chung. Do vợ chồng không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được anh **Lương Văn T** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị **Hà Thị M**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh **Lương Văn T** và chị **Hà Thị M** có 01 (một) người con chung là **Lương Hà V**, sinh ngày 17/01/2016. Từ lúc sống ly thân đến nay chị **M** ít khi trở về nước, không còn sự quan tâm, chăm lo cho con chung, giải quyết ly hôn anh **T** đề nghị giao con chung cho anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị **M** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh **Lương Văn T** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về phía bị đơn chị **Hà Thị M**: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án cùng những văn bản tố tụng theo quy định, đồng thời tổng đạt văn bản tố tụng trực tiếp thông qua người thân của chị **M**, đề nghị người thân thông báo cho chị **M** biết để có mặt làm việc trình bày ý kiến hoặc có văn bản gửi tòa án phản hồi đối với những yêu cầu khởi kiện của bị đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị **M** vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án xem xét theo yêu cầu. Theo ý kiến trình bày của người thân bị đơn, chị **M** vẫn thường xuyên giữ liên lạc về cho người thân trong gia đình thông qua mạng xã hội, nhưng không cung cấp địa chỉ nơi mình sinh sống, làm việc hiện nay tại nước ngoài, sau khi được người thân thông báo cho biết sự việc anh **T** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án, chị **M** có ý kiến đồng ý giải quyết ly hôn nhưng không gửi văn bản phản hồi theo quy định, đối với những vấn đề khác liên quan đến việc giải quyết ly hôn giữa hai bên người thân cho biết tranh chấp giữa vợ chồng, sẽ do hai bên tự quyết định giải quyết hoặc do Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên, người thân không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Bị đơn trước khi xuất cảnh ra nước ngoài có địa chỉ đăng ký thường trú tại **bản N, xã C, tỉnh Nghệ An**, hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không rõ địa chỉ, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ và đảm bảo quyền cho các đương sự tham gia tố tụng và đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ đúng quy định. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn được người thân thông báo cho biết việc nguyên đơn khởi kiện ly hôn và có ý kiến đồng ý, tuy nhiên không có văn bản phản hồi gửi cho Tòa án, việc bị đơn vắng mặt được xác định thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho anh **Lương Văn T** được ly hôn chị **Hà Thị M**.

+ Về con chung: Đề nghị tiếp tục giao con chung **Lương Hà V**, sinh ngày 17/01/2016 cho anh **T** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn tạm thời chưa yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản hồi nên đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con với bị đơn.

+ Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh **Lương Văn T** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị **Hà Thị M**, đề nghị giao con chung cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **M**; không yêu cầu xem xét, giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo trình bày của anh **Lương Văn T**, bị đơn hiện đang sinh sống, lao động tại nước ngoài (Malaysia) nhưng nguyên đơn không biết địa chỉ. **Phòng Q, Công an tỉnh N** có Công văn phản hồi số 1777/QLXNC-Đ1 cung cấp thông tin bị đơn xuất cảnh qua **cửa khẩu sân bay Quốc tế N** bằng hộ chiếu số E00404921 vào ngày 07/3/2026, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tòa án tiến hành xác minh, ghi nhận ý kiến người thân cư trú trong nước của bị đơn là chị gái ruột của chị **M** được cung cấp thông tin bị đơn xuất cảnh đi nước ngoài làm việc, hiện đang cư trú và làm việc tại nước ngoài (nước Malaysia), trong thời gian đi nước ngoài chị **M** vẫn thường xuyên giữ liên lạc về cho người thân trong gia đình, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gia đình đã liên lạc thông báo cho chị **M** biết việc anh **T** yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn trước khi xuất cảnh có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại **bản N, xã C, tỉnh Nghệ An**, căn cứ quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện, chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn đã được niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ qua người thân theo quy định nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cố tình vắng mặt, không cung cấp địa chỉ, không có văn bản phản hồi nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai trình bày của người thân bị đơn cung cấp, chị **M** đang sinh sống, lao động tại nước ngoài (Malaysia), chị **M** vẫn thường xuyên giữ liên lạc với gia đình qua mạng xã hội và điện thoại nhưng không cho người thân biết địa chỉ nơi mình đang ở và làm việc tại nước ngoài. Chị **M** đã được

người thân cho biết việc anh **T** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đối tại Tòa án nhưng không trở về nước, qua trao đổi với người thân chị **M** có ý kiến đồng ý giải quyết ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án xem xét theo quy định. Ngoài ra chị **M** không cung cấp địa chỉ của mình tại nước ngoài để Tòa án liên hệ làm việc và vắng mặt trong những lần được yêu cầu có mặt làm việc cũng như tham gia phiên tòa xét xử nên được xem xét thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo và cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lương Văn T** và chị **Hà Thị M** đăng kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 08/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q cũ (sau sáp nhập hiện nay là xã C, tỉnh Nghệ An) hôn nhân đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, trong thời gian chị **M** ở nước ngoài giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến ly thân, đã hơn 05 năm nay vợ chồng không giữ liên lạc, cắt đứt mọi quan hệ. Đến nay do vợ chồng không còn sự quan tâm, hỗ trợ hoặc có trách nhiệm với gia đình trong cuộc sống hàng ngày, tình cảm giữa vợ chồng không còn, nên anh **T** giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị **Hà Thị M**. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn trách nhiệm với nhau do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lương Văn T** giải quyết cho ly hôn với chị **Hà Thị M** theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh **Lương Văn T** và chị **Hà Thị M** có một người con chung là **Lương Hà V**, sinh ngày 07/01/2016. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do đương sự có mặt cung cấp, xác minh về hoàn cảnh, môi trường sống, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ý kiến của đương sự, thấy rằng việc giao nuôi con khi giải quyết ly hôn cần đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho sự phát triển, trưởng thành của con chung sau này. Tại thời điểm giải quyết vụ án chị **Hà Thị M** đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, không có mặt giải quyết vụ án cũng như không có văn bản nêu ý kiến phản hồi về con chung, do vậy không đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh **Lương Văn T** là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung do đó, cần tiếp tục giao con chung cho anh **T** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật sau khi ly hôn, đồng thời tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **M** là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi lại người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Lương Văn T** không yêu cầu bị đơn chị **Hà Thị M** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến phản hồi, không có tài liệu chứng minh về công việc, thu nhập hiện nay của bị đơn nên không có căn cứ để xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Giành quyền cho các bên đương sự, khi xảy ra tranh chấp các đương sự có quyền tự thỏa thuận giải quyết hoặc quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Anh **Lương Văn T** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, bị đơn chị **Hà Thị M** vắng mặt và không có văn bản hoặc ý kiến phản hồi. Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng được cam kết không nhằm mục đích để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp các đương sự có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 121, 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 35, 39, 207, 147, 227, 228, 238, 271, 273; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lương Văn T** được ly hôn với chị **Hà Thị M**.

2. Về con chung: Giao con chung **Lương Hà V**, sinh ngày 07/01/2016 cho anh **Lương Văn T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị **Hà Thị M**.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc

cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho anh **Lương Văn T** và chị **Hà Thị M**, các bên có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu như xảy ra tranh chấp.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh **Lương Văn T** chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002676 ngày 14/4/2026.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Tiến, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông